

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài
sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm.

Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 2000; địa chỉ: số E ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Minh T, sinh năm: 1998; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Đặng Thị Minh T) về quan hệ tài sản:

Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 2001; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2025); có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

Bà Trần Lê Hương G, sinh năm: 2000; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: C Đ, khu phố C, phường B, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2025); có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1966; địa chỉ: số E ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2024 ông và bà Đặng Thị Minh T do quen biết nên tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/4/2024.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến ngày 14/4/2025 bà T tự ý bỏ nhà đi và kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long, xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đặng Thị Minh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai, văn bản trình bày ý kiến bà Đặng Thị Minh T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà T đồng ý ly hôn với ông D, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung:

Căn nhà có diện tích khoảng 240m² (chiều ngang khoảng 12m, chiều khoảng 20m), kết cấu nhà tiền chế tọa lạc tại ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Ước tính căn nhà có giá trị khoảng 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà T yêu cầu chia đôi căn nhà nêu trên, mỗi người được nhận 50% căn nhà, yêu cầu được nhận phần giá trị ước tính khoảng 75.000.000đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng);

Các trang thiết bị đầu tư vào dãy nhà nghỉ “Thanh Huê” gồm có 04 (bốn) cái máy điều hòa nhãn hiệu “Casper”, tổng giá trị khoảng 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Bà T yêu cầu chia đôi tài sản này, mỗi người được nhận 50% giá trị tài sản, yêu cầu được nhận phần giá trị ước tính khoảng 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

Các trang thiết bị đầu tư vào Tiệm trà sữa “Minh Thu” tại ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long, gồm: 02 (hai) kệ gỗ, 01 (một) tủ mát nhãn hiệu “Sanaky”, 01 (một) tủ trà sữa, tổng giá trị khoảng 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng). Bà T yêu cầu chia đôi tài sản này, yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý hoàn lại cho ông D

50% giá trị, ước tính khoảng 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

Các trang thiết bị đầu tư vào Tiệm sửa xe tại ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Gồm: 01 (một) bộ thiết bị rửa xe, tổng giá trị khoảng 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Bà T yêu cầu chia đôi tài sản này, yêu cầu được nhận 50% giá trị tài sản, tương đương 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và đồng ý để lại toàn quyền sử dụng những trang thiết bị này cho ông D.

Ước tính tổng giá trị các tài sản mà bà T yêu cầu nhận là: 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng).

+ Nợ chung: Không có.

Trong đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố đề ngày 18/3/2026, bà Đặng Thị Minh T rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tài sản chung giữa bà và ông Nguyễn Văn D.

Trong văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 20/3/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S trình bày: Do bà T đã rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản giữa bà T và ông D nên ông S cũng thống nhất, không có ý kiến và yêu cầu gì liên quan đến vụ án. Do vậy ông S yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về quan hệ tài sản (bà Trần Lê Hương G, bà Nguyễn Thị Tường V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu của ông D:

Về hôn nhân: Ông D được ly hôn đối với bà T. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Về con chung, nợ chung: Ông bà trình bày không có, không yêu cầu gì nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà T.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí 300.000đồng. Hoàn trả tạm ứng án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn*” với bà Đặng Thị Minh T, bà T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung với ông D nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn*”; bà T có địa chỉ tại T, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là bà Đặng Thị Minh T có yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về quan hệ tài sản (bà Trần Lê Hương G, bà Nguyễn Thị Tường V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông D, bà T, bà G, bà V, ông S là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa ông D và bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa ông D và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2025 cho đến nay mà vẫn không hàn gắn được. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà T cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với ông D, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông D về việc ly hôn với bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông D, bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Ông D và bà T đều thống nhất xác định ông bà không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản: Ông D không yêu cầu giải quyết về tài sản. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà T đã có văn bản rút lại yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung. Ông D, ông S đều thống nhất với việc bà T rút yêu cầu chia tài sản và không có yêu cầu giải quyết gì liên quan đến tài sản nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về nợ: Ông D, bà T xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[9] Về chi phí tố tụng: Bà T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Đặng Thị Minh T.

[2] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông Nguyễn Văn D và bà Đặng Thị Minh T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân tố của bà Đặng Thị Minh T về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Về nợ: Ông Nguyễn Văn D và bà Đặng Thị Minh T xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004442 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh V; ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Bà Đặng Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011832 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

[6] Về chi phí tố tụng: Bà T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và đã nộp đủ.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã P, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền

